

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

Bản án số: **10 /2025/HNGĐ-ST**

Ngày 29/7/2025

V/v "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn ThAh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông PhA Văn Sơn
2. Ông Phạm Văn Đấu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Sương

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST –HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thúy H, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Thanh T, xã Đồng K, tỉnh V(ấp Thanh T, xã Đ, huyện M, tỉnh B).

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Thanh H, xã Đồng K, tỉnh V(ấp Thanh H, xã Định T, huyện M, tỉnh B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn A đã tìm hiểu một thời gia và quyết định tự nguyện tiến đến hôn nhân, bà và ông A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thủy vào ngày 10/4/2003. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại ấp Thanh Tân, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tú, sinh ngày 04/3/2000 hiện đang sống với bà. Trong quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung và nợ chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 6 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông A, bà không

yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn A đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Võ Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn A, ông A có nơi cư trú tại xã Định T, huyện M, tỉnh B nay là xã Đồng K, tỉnh V nên quan hệ pháp luật là Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn Võ Thị Thúy H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Tấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy H và ông Nguyễn Tấn A xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo bà H thì trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, bà H yêu cầu ly hôn. Xét thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập ông A để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H nhưng ông đều vắng mặt, đồng thời ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H, điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng đối với bà H. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà H ông A đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông A.

[2.2] Về con chung: Bà Võ Thị Thúy H và ông Nguyễn Tấn A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/3/2000 đã trưởng thành, bà H không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thúy H khai bà và ông Nguyễn Tấn A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Thúy H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy H, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn A.

2. Về con chung: Bà Võ Thị Thúy H và ông Nguyễn Tấn A có 01 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/3/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Thúy H khai bà và ông Nguyễn Tấn A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm, bà Võ Thị Thúy H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011722 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9- Vĩnh Long (bà H đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9-Vĩnh Long (1b);
- TAD tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADSKV9-Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Đồng Khởi (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở